

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1225/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình quốc gia về tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2019 – 2025

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ nghị định số 138/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định Chương trình quốc gia về tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2019-2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ tướng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Chủ nhiệm Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài; Thủ tướng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư;
- TTg, các PTTg;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc VN;
- Ủy ban Công tác về các tổ chức PCPNN;
- Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, PCN Mai Thị Thu Vân;

Trợ lý TTg,
Vụ TH;

- Lưu VT, QHQT (3).TA

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Bình Minh

CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA

Về tăng cường hợp tác và vận động
viện trợ phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2019- 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1225/QĐ-TTg
ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)

Phần 1

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

I. CƠ SỞ XÂY DỰNG

Chương trình quốc gia về tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2019-2025 (gọi tắt là Chương trình quốc gia giai đoạn 2019-2025), được xây dựng trên cơ sở các văn bản như sau:

- Văn kiện Đại hội toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XII;
- Chiết lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020;
- Chiến lược phát triển bền vững 2011-2020;
- Nghị quyết số 142/2016/QH13 ngày 12 tháng 4 năm 2016 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020;
- Quyết định số 40/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược tổng thể hội nhập quốc tế đến năm 2020 tầm nhìn 2030;
- Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

II. NGUYÊN TẮC VẬN ĐỘNG

1. Việt Nam khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động vì mục đích nhân đạo và phát triển của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các đối tác phát triển khác, góp phần thúc đẩy quan hệ hữu nghị hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước và góp phần phát triển đất nước, củng cố hòa bình trên thế giới.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải thích của các bên và sự tham gia của người dân trong quá trình triển khai các hoạt động hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.

3. Xây dựng và tăng cường quan hệ hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các đối tác phát triển trên cơ sở đường lối và chính sách đối ngoại của Việt Nam.

4. Công tác vận động và tiếp nhận viện trợ phi chính phủ nước ngoài phải phù hợp với các quy định pháp luật của Việt Nam; định hướng và chính sách phát triển của nhà nước Việt Nam trong từng giai đoạn; định hướng và ưu tiên của Bộ, ngành, địa phương trong từng lĩnh vực cụ thể.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Tăng cường hợp tác và nâng cao hiệu quả nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài để thúc đẩy quan hệ của nhân dân Việt Nam của các nước trên thế giới, góp phần giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội và thúc đẩy phát triển bền vững ở Việt Nam.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) củng cố, mở rộng và tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác của Việt Nam với các tổ chức phi chính phủ và các đối tác phát triển khác;

b) Duy trì, nâng cao giá trị và hiệu quả viện trợ phi chính phủ nước ngoài;

c) Làm cho bạn bè quốc tế hiểu về quan điểm, đường lối, chính sách đối ngoại cũng như chủ trương tích cực hội nhập quốc tế và xây dựng đất nước của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

IV. NỘI DUNG ƯU TIÊN HỢP TÁC

1. Định hướng ưu tiên theo lĩnh vực: Là những lĩnh vực mà các tổ chức phi chính phủ nước ngoài có lợi thế và phù hợp với các ưu tiên của Việt Nam.

a) Giáo dục và đào tạo:

- Hỗ trợ đào tạo giáo viên các cấp, ưu tiên giáo viên mầm non, tiểu học và trung học cơ sở ở các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, giáo viên dạy trẻ khuyết tật;

- Xây dựng cơ sở hạ tầng giáo dục: hỗ trợ xây dựng trường học và cải thiện cơ sở vật chất tại các cơ sở giáo dục các cấp; xây dựng hệ thống các trường dân tộc nội trú, hệ thống nhà nội trú, bán trú; phát triển hệ thống thư viện phù hợp với yêu cầu của từng cấp;

- Trao đổi giáo dục, hỗ trợ dạy và học ngoại ngữ, cung cấp giáo viên tình nguyện các chuyên ngành cho các trường đào tạo chuyên sâu, các trường phổ thông;

- Cấp học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt học sinh dân tộc thiểu số, học bổng đào tạo trong và ngoài nước;

- Hỗ trợ đào tạo công nghệ thông tin cho các trường phổ thông, nhất là ở vùng nông thôn, vùng núi, vùng sâu, vùng dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ xây dựng các chương trình đào tạo tiên tiến, hỗ trợ tăng cường hệ thống kiểm định, đánh giá chất lượng, cung cấp học bổng, tăng cường hoạt động trao đổi, liên kết, hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyên gia công nghệ, tăng cường gắn kết giữa đào tạo và thực hành, giữa nhà trường và doanh nghiệp...

b) Y tế:

- Đào tạo cán bộ y tế: hỗ trợ đào tạo cán bộ y tế thông qua chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi phương pháp và nghiệp vụ; cấp học bổng đào tạo cán bộ y tế trong và ngoài nước;

- Phát triển hạ tầng cơ sở y tế: nâng cấp, xây dựng, cung cấp trang thiết bị, chuyển giao công nghệ...cho các bệnh viện chuyên ngành tuyến Trung ương, tuyến tỉnh, trung tâm y tế cấp huyện và các trạm y tế cấp xã;

- Hỗ trợ việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế: các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS, hỗ trợ và điều trị cho người có HIV/AIDS, phòng, chống và giảm tác hại của ma túy, tuyên truyền về nguy cơ và hiểm họa, tuyên truyền sử dụng các biện pháp tránh thai an toàn; các hoạt động dân số như: kế hoạch hóa gia đình, kiểm soát tỷ lệ sinh, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, giảm tử vong mẹ và tử vong trẻ em;

- Hỗ trợ các chương trình phòng chống suy dinh dưỡng, đặc biệt là phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em và cận thị học đường trẻ em, hỗ trợ cải thiện vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Hỗ trợ việc thực hiện các chương trình nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng, các bệnh truyền nhiễm, trao đổi kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ trong ứng phó và ngăn chặn các bệnh dịch trên diện rộng.

- Hỗ trợ xây dựng và nâng cao năng lực cho các trung tâm kiểm soát dịch bệnh.

c) Đào tạo, giáo dục nghề nghiệp:

- Hỗ trợ đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, chú trọng các vùng nông thôn, các vùng đang đô thị hóa, vùng công nghiệp hóa, vùng cận đô;

- Xây dựng chương trình đào tạo, giáo dục nghề nghiệp phù hợp với định hướng phát triển ngành nghề, chia sẻ kinh nghiệm về các mô hình dạy nghề hiệu quả;

- Phát triển cơ sở vật chất cho đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: xây dựng cơ sở và cung cấp trang thiết bị cho dạy nghề của hệ thống các trường, các trung tâm dạy nghề;

- Cung cấp bổ sung chuyên gia và giáo viên dạy nghề có chuyên môn cao;

- Đào tạo, dạy nghề gắn với tạo việc làm cho các đối tượng yếu thế trong xã hội, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, lao động di cư...

d) Nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển nông thôn:

- Hỗ trợ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh;

- Phát triển mạng lưới khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, đào tạo, tập huấn, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm cho cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư;

- Hỗ trợ nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong quản lý nguồn lợi thủy sản ven bờ và quản lý môi trường, dịch bệnh thủy sản;

- Hạ tầng cơ sở nông thôn: phát triển hạ tầng sản xuất như các công trình thủy lợi, trạm bơm, đường liên thôn, công trình nước sạch, nhà vệ sinh...;

- Xây dựng nông thôn mới; phát triển ngành, nghề, thủ công mỹ nghệ, sản xuất và dịch vụ nhỏ; hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu kinh tế thông qua tăng cường thu nhập phi nông nghiệp; hỗ trợ đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp;

- Phòng chống và kiểm soát dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi;

- Nghiên cứu khoa học trong nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển nông thôn; hỗ trợ nghiên cứu và ứng dụng sản xuất vật nuôi, cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu.

đ) Giải quyết các vấn đề xã hội:

- Giáo dục và giúp đỡ trẻ có hoàn cảnh khó khăn (như trẻ em mồ côi, khuyết tật, không nơi nương tựa);

- Hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật, người có hoàn cảnh khó khăn;

- Xây dựng nhà ở cho người nghèo, đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các vùng dễ bị ảnh hưởng của thiên tai;

- Hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực và tài chính cho các cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi, người có hoàn cảnh khó khăn và các đối tượng yếu thế;

- Phòng chống bạo lực gia đình, buôn bán, xâm phạm phụ nữ, trẻ em và hỗ trợ nạn nhân tái hòa nhập cộng đồng; tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới;

- Tuyên truyền, phòng ngừa và giảm thiểu tai nạn giao thông và tai nạn do thiên tai.

e) Môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và cứu trợ khẩn cấp:

- Bảo vệ và cải thiện môi trường sống, môi trường thiên nhiên, bảo tồn động vật hoang dã và đa dạng sinh học, ứng phó, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu; các dự án hỗ trợ quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững;

- Phòng, ngừa, giảm nhẹ thiên tai, trồng và bảo vệ rừng (bao gồm rừng ngập mặn, rừng chắn sóng), xây dựng hệ thống cảnh báo sớm, hệ thống nhà chống lũ, đào tạo kỹ năng ứng phó khi xảy ra thiên tai...;

- Sử dụng hiệu quả và bền vững các tài nguyên đất, nước, không khí, rừng; thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển công nghệ xanh;

- Nâng cao nhận thức cộng đồng về biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường và phòng chống buôn bán, nuôi nhốt, giết hại các loài động vật hoang dã;

- Hỗ trợ xây dựng các mô hình xử lý ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi; hỗ trợ xây dựng các bãi xử lý rác thải tập trung và mô hình xử lý rác hộ gia đình nông thôn;

- Hỗ trợ các mô hình nâng cao năng lực ứng phó biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng, xây dựng mô hình sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Cứu trợ khẩn cấp khi xảy ra thiên tai, tái thiết cơ sở hạ tầng và phục hồi sản xuất;

- Hỗ trợ phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ phóng xạ, bức xạ hạt nhân và tán phát chất độc hại.

f) Khắc phục hậu quả chiến tranh:

- Xử lý vật liệu chưa nổ và chất độc hóa học tồn lưu sau chiến tranh;

- Hỗ trợ xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về bom mìn, vật liệu chưa nổ và chất độc hóa học;

- Giáo dục phòng, tránh tai nạn bom, mìn;

- Hỗ trợ nạn nhân bị nhiễm chất độc màu da cam/dioxin, nạn nhân bom mìn và vật liệu nổ;

- Hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội và tái định cư tại các vùng bị ô nhiễm bởi vật liệu chưa nổ và chất độc hóa học tồn lưu;

g) Văn hóa, thể thao và du lịch:

- Hỗ trợ bảo tồn, nghiên cứu và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa và văn hóa phi vật thể, văn hóa dân gian, văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số;

- Tăng cường, phát triển phong trào, hoạt động thể thao của toàn dân, thể dục thể thao trường học, hỗ trợ đào tạo huấn luyện viên, vận động viên, hỗ trợ trang thiết bị cho thể thao cộng đồng, thể thao người khuyết tật ở các khu vực khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi;

- Hỗ trợ phát triển du lịch bền vững, du lịch xanh, du lịch nông nghiệp, du lịch cộng đồng.

2. Định hướng ưu tiên theo địa bàn: Ưu tiên các tỉnh nghèo, các tỉnh miền núi, nơi có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Nội dung ưu tiên cụ thể cần được xác định theo tình hình thực tế của mỗi địa phương.

a) Khu vực nông thôn:

- Hỗ trợ cho các huyện nghèo theo Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các huyện nghèo và thoát nghèo năm 2018-2020 và các dự án hỗ trợ giảm nghèo theo các tiêu chí tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chuẩn nghèo mới.

- Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số;

- Đào tạo, dạy nghề; phát triển ngành nghề thủ công; tạo cơ hội việc làm và thu nhập phi nông nghiệp; hỗ trợ các chương trình tài chính vi mô; hỗ trợ các hợp tác xã, tổ hợp tác thủ công mỹ nghệ;

- Phát triển khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; hỗ trợ phát triển hạ tầng sản xuất như các công trình thủy lợi, trạm bơm, đường liên thôn...; xây dựng các mô hình phát triển nông thôn tổng hợp, phát triển nông thôn theo vùng, phát huy đặc điểm và lợi thế của từng vùng, bổ sung mô hình phát triển nông thôn mới;

- Đào tạo cán bộ y tế; hỗ trợ các trường đào tạo cán bộ y tế thông qua chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi phương pháp và nghiệp vụ; phát triển hạ tầng cơ sở y tế như nâng cấp, xây dựng, cấp trang thiết bị cho các bệnh viện và trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh, trung tâm y tế cấp huyện và các trạm y tế cấp xã; cấp nước sạch, nâng cao vệ sinh môi trường;

- Phòng, chống HIV/AIDS, hỗ trợ và điều trị cho người có HIV/AIDS, phòng, chống và giảm tác hại của ma túy, tuyên truyền về nguy cơ và hiểm họa, tuyên truyền sử dụng các biện pháp tránh thai an toàn, hỗ trợ các hoạt động dân số như kế hoạch hóa gia đình, kiểm soát tỷ lệ sinh, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản...;

- Đào tạo giáo viên các cấp, ưu tiên giáo viên mầm non, tiểu học và trung học cơ sở ở các vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số; xây dựng hạ tầng cơ sở giáo dục, kiên cố hóa hệ thống các trường, phân trường tiểu học và trung học cơ sở, trường mầm non và mẫu giáo, trường dân tộc nội trú, nhà nội trú, bán trú cho trẻ em dân tộc thiểu số;

- Trợ giúp các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn (trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa, người khuyết tật, người cao tuổi...);

- Khắc phục hậu quả chiến tranh (rà phá vật liệu chưa nổ và tái định canh, định cư, nâng cao nhận thức về hiểm họa của bom mìn và vật liệu chưa nổ, trợ giúp nạn nhân chiến tranh, nạn nhân chất độc da cam...);

- Bảo vệ và cải thiện môi trường (trồng và bảo vệ rừng, rừng ngập mặn); bảo tồn động vật hoang dã và đa dạng sinh học; bảo tồn các di sản văn hóa; ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu;

- Phát triển mô hình phòng chống và giảm nhẹ thiên tai dựa vào cộng đồng.

b) Khu vực đô thị:

- Đào tạo, dạy nghề gắn với tạo việc làm;

- Phát triển ngành, nghề thủ công; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ;

- Chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ các cơ sở y tế chuyên sâu, các cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội; đào tạo và đào tạo lại cán bộ y tế;

- Trợ giúp các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn (trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa, người khuyết tật, người cao tuổi...), người bị xâm hại, bị mua bán, bạo lực gia đình, lao động nhập cư, di dân, tái định cư...;

- Phòng, chống HIV/AIDS, ma túy, mại dâm;

- Bảo vệ và cải thiện môi trường, giao thông đô thị.

Phần 2

BIỆN PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

1. Quán triệt, nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền, các đoàn thể và người dân về công tác phi chính phủ nước ngoài và ý nghĩa việc tăng cường quan

hệ hợp tác với các tổ chức phi chính phủ, và các đối tác phát triển nước ngoài khác.

2. Tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý, cải cách thủ tục hành chính tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức phi chính phủ, các đối tác khác viện trợ và triển khai hiệu quả các chương trình, dự án cho Việt Nam.

3. Tăng cường phổ biến, chia sẻ thông tin về quan hệ hợp tác với các tổ chức phi chính phủ, các đối tác nước ngoài khác và công tác vận động, quản lý viện trợ phi chính phủ nước ngoài:

a) Tuyên truyền, phổ biến đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, các quy định của pháp luật Việt Nam cho các tổ chức phi chính phủ, các đối tác nước ngoài khác hiểu, biết và thực hiện đúng, đầy đủ các quy định liên quan của Pháp luật Việt Nam;

b) Cán bộ, ngành địa phương và các cơ quan liên quan tăng cường trách nhiệm phối hợp, trao đổi và chia sẻ với Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và với các cơ quan các thông tin liên quan đến các tổ chức phi chính phủ, các đối tác nước ngoài; việc tiếp nhận tổ chức triển khai các dự án, chương trình, các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài cho Việt Nam và công tác quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.

c) Hoàn thiện cơ sở dữ liệu toàn diện, liên thông đáp ứng yêu cầu tra cứu nhanh và chính xác về tình hình về cơ quan hợp tác; các chương trình, dự án, các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài cần thu hút của các cơ quan, tổ chức, địa phương Việt Nam và của các tổ chức phi chính phủ, các nhà tài trợ và đối tác nước ngoài khác dành cho Việt Nam.

4. Đổi mới và đa dạng phương thức, đối tượng quan hệ hợp tác, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài:

a) Tăng cường tính chủ động của các cơ quan, tổ chức, địa phương trong việc xây dựng, duy trì quan hệ hợp tác vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài;

b) Tăng cường tham gia các cơ chế hợp tác quốc tế đa phương, mạng lưới của các tổ chức phi chính phủ, các đối tác nước ngoài để thu hút các chương trình, dự án, các khoản tài trợ cho Việt Nam.

c) Tăng cường sự chủ động xây dựng mạng lưới các chuyên gia, học giả, Các nhà hoạt động xã hội có uy tín, các doanh nhân Việt Nam và nước ngoài hỗ trợ, đồng hành và tham gia giới thiệu, kết nối quan hệ với các tổ chức phi chính phủ và nhà tài trợ nước ngoài; và tham gia vào việc trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ thông tin trong công tác vận động, sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài cả ở trong và ngoài nước.

d) Xây dựng mạng lưới kết nối người Việt Nam làm việc cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam để chia sẻ thông tin thông tin, trao đổi kinh nghiệm tư vấn trong các tổ chức phi chính phủ nước ngoài xây dựng chương trình hoạt động dài hạn, triển khai các chương trình, dự án thiết thực, hiệu quả cho Việt Nam

5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá để nâng cao hiệu quả sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài:

- a) Nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát;
- b) Tăng cường sự tham gia giám sát của cộng đồng;
- c) Công khai, minh bạch các chương trình, dự án, các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

6. Nâng cao năng lực cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác phi chính phủ nước ngoài:

a) Củng cố và nâng cao năng lực chuyên môn đối với cơ quan phụ trách về quan hệ, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao;

b) Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn; kỹ năng vận động triển khai các chương trình, dự án, sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài cho các cơ quan, tổ chức và cán bộ tham gia làm công tác phi chính phủ nước ngoài ở các cấp, các ngành;

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài:

- a) Đôn đốc, theo dõi việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình;
- b) Báo cáo, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét điều chỉnh nội dung định hướng vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài (nếu cần thiết) nhằm đáp ứng tình hình thực tiễn và nhiệm vụ mới.

2. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam làm đầu mối:

- a) Về quan hệ và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài theo quy định;
- b) Theo dõi, tổng hợp, chia sẻ thông tin về quan hệ hợp tác, công tác vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài với các Bộ, cơ quan và các địa phương;
- c) Hướng dẫn các tổ chức phi chính phủ, các đối tác nước ngoài khác trong quan hệ hợp tác và viện trợ phi chính phủ nước ngoài cho Việt Nam phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Việt Nam;
- d) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho các cơ quan, tổ chức, địa phương về kiến thức và kỹ năng trong công tác vận động viện trợ phi chính phủ và triển khai các chương trình, dự án do các tổ chức phi chính phủ, các nhà tài trợ nước ngoài khác tài trợ.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

- a) Xem xét cụ thể hóa nội dung công việc để triển khai Chương trình phù hợp chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình;
- b) Rà soát các quy định pháp luật, đề xuất với cơ quan có thẩm quyền và xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật liên quan;
- c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc triển khai các chương trình, dự án, sử dụng các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài theo chức năng nhiệm vụ;

d) Phối hợp, hỗ trợ Ủy ban công tác về các chính phủ nước ngoài trong triển khai thực hiện Chương trình.

4. Kinh phí tổ chức triển khai Chương trình từ nguồn ngân sách nhà nước và kinh phí đóng góp từ các nguồn hợp pháp khác trong và ngoài nước. Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam xây dựng dự toán kinh phí hàng năm phù hợp với nhiệm vụ được giao và quy định của Luật ngân sách nhà nước, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Bình Minh

THE PRIME MINISTER THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

No.: 1225/QĐ-TTg

Hanoi, 17 September, 2019

DECISION

On the issuance of the National Program on the Promotion of Cooperation and Foreign Non-Governmental Organization's Assistance 2019-2025

THE PRIME MINISTER

*Pursuant to the Law on the Government Organization dated June 19, 2015;
Pursuant to the Decree 138/2016/ND-CP promulgating the working regulation of the Government dated October 1st, 2016;*

On the proposal of the Chairman of the Committee for Foreign Non-Governmental Organization Affairs,

HEREBY DECIDES:

Article 1. To promulgate together with this Decision the National Program for Promotion of Cooperation and Foreign Non-Governmental Organization's Assistance 2019-2025.

Article 2. This Decision shall come into force on the date of its signing.

Article 3. Ministers, Heads of Ministry equivalents and Government agencies; Chairpersons of provincial-level People's Committees, Chairman of the Committee for Foreign Non-Governmental Organization Affairs, Heads of related agencies and organizations shall implement this Decision./.

Addressees:

- Secretariat of the Party Central Committee;
- Prime Minister, Deputy Prime Ministers;
- Ministries, ministry equivalents, Government agencies;
- People's Committees of provinces and centrally-administered cities;
- Office of the Party Central Committee and Party Commissions;
- Supreme People's Court;
- Supreme People's Procuracy;
- Central Committee of the Vietnam Fatherland Front;
- Committee for Foreign Non-Governmental Organization Affairs;
- Vietnam Union of Friendship Organizations;
- Central agencies of mass organizations;
- Government Office: Minister-Chairperson, Vice Chairwoman Mai Thi Thu Van, Assistants to the Prime Minister, Admiration Department;
- File: Records Management Office and External Relations Department (3). TA

VICE PRIME MINISTER

(Signed and sealed)

Phạm Bình Minh

NATIONAL PROGRAM

**On the Promotion of Cooperation and Foreign Non-Governmental
Organization's Assistance 2019-2025**

*(Promulgated in accordance with the Prime Minister's Decision No.1225/QĐ-
TTg dated 17 December, 2019)*

Part 1

CONTENTS OF THE PROGRAM

I. BASIS FOR DEVELOPMENT OF PROGRAM

The National Program for the Enhancement of Cooperation and Promotion of Foreign Non-governmental Assistance 2019-2025 (herein after referred to as the program) is developed with reference to the following documents:

- Documents of the 12th National Congress of the Communist Party of Vietnam;
- The 2011-2020 National Socio-Economic Development Strategy;
- The 2011-2020 Sustainable Development Strategy;
- The Resolution No. 142/2016/QH13 dated April 12, 2016 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on the 2016-2020 five-year socio-economic development plan;
- The Prime Minister's Decision No. 40/QĐ-TTg dated January 7, 2016 to approve the overall strategy for international integration through 2020 with a vision toward 2030;
- The Prime Minister's Decision No. 622/QĐ-TTg dated May 10, 2017 to promulgate the National Action Plan for the implementation of the 2030 Sustainable Development Agenda.

II. PRINCIPLES FOR ASSISTANCE MOBILIZATION

1. Vietnam encourages and creates favorable conditions for activities carried out for humanitarian and development purposes by foreign non-governmental organizations and other donors, contributing to boosting cooperative friendship between Vietnamese people and other peoples, developing the country and consolidating peace in the world.

2. To ensure publicity, transparency and accountability of stakeholders and participation of the people in carrying out cooperation with foreign non-governmental organizations in Vietnam.

3. To build and enhance the country's cooperation with foreign non-governmental organizations and donors in compliance with external guidelines and policies of Vietnam.

4. The mobilization and receipt of foreign non-governmental assistance must comply with Vietnam's laws; development orientations and policies of the Vietnamese State in each period; and orientations and priorities set by its ministries, sectors and local authorities in specific fields.

III. OBJECTIVES

1. Overall objective: To intensify cooperation and increase the efficiency of foreign non-governmental assistance, relationships between the Vietnamese people and other peoples in the world, thus, contributing to poverty reduction and socio-economic development and promoting sustainable development in Vietnam.

2. Specific objectives:

a) To consolidate, expand and intensify friendship and cooperation between Vietnam and foreign non-governmental organizations and other donors;

b) To maintain and improve value and efficiency of foreign non-governmental assistance;

c) To help international friends understand external relation guidelines and policies as well as international integration and national construction orientations set by the Vietnamese Party and State.

IV. COOPERATION PRIORITIES

1. Sector-based priority orientations: Assistance shall be provided to sectors in which foreign non-governmental organizations have advantages in conformity with priorities set by Vietnam.

a) Education and training:

- Training teachers at different levels, with priority given to preschools, primary and secondary school teachers in rural, distant, remote and ethnic minority areas, and teachers of disabled children;

- Developing education infrastructure: To provide support for building schools and improving infrastructure at education institutions at all levels; to build boarding schools for ethnic minority students as well as boarding and semi-boarding facilities; to develop libraries to meet requirements of each education level;

- Assisting education exchange, foreign language teaching and learning, providing volunteer teachers of different fields of specialization for in-depth training institutions and secondary schools;

- Providing scholarships to students in difficult circumstances, especially ethnic minority students; scholarships for domestic and overseas training;

- Assisting information technology training for secondary schools, particularly those in rural, mountainous, remote and ethnic minority areas;

- Assisting the development of advanced training program, improving education quality evaluation system; providing scholarships; increasing training exchange and cooperation, scientific research, and technology transfer activities; enhancing association between training and practice activities and between schools and businesses, etc.

b) Health care:

- Training health workers: supporting health worker training schools by ways of sharing experience and expertise, methods and professional skills; providing scholarships for training health workers locally and overseas;

- Developing Public health infrastructure: constructing, upgrading and providing equipment and facilities and carrying out technology transfer... to specialized central hospitals, provincial hospitals, district health centers and communal health stations;

- Assisting implementation of national programs on health: prevention of HIV/AIDS, support to and treatment for people living with HIV/AIDS, prevention and reduction of drug harms, dissemination information about the dangers and hazards of drugs, and about safe contraceptive methods...; assistance to population activities such as family planning, birth control, dissemination and raising of awareness on population, reproductive health care, reduction of maternal and child mortality ratios;

- Assisting performance of programs on malnutrition prevention, especially for mothers and children, and prevention of children myopia; providing support for higher food hygiene and safety;

- Assisting performance of research programs on clinical trials, contagious diseases; experience exchange and technology transfer in response to and prevention of widespread epidemics;

- Supporting building and enhancement of capacity for epidemic control centers.

c) Vocational training and education:

- Assisting vocational training and education, focusing on rural areas, undergoing urbanization or industrialization, and urban vicinity areas;

- Developing vocational training and education curricular in line with vocation development orientations; sharing experience on effective vocational models;

- Developing infrastructure for vocational training and education: building vocational training centers; providing equipment and facilities to vocational training schools and centers;

- Providing high skilled vocational experts and instructors;

- Providing vocational training and education in association with job generation for underprivileged people in society, disabled people, ethnic minority people, and migrant workers, etc.

d) Agriculture, forestry, fishery, and rural development:

- Assisting development of hi-tech agriculture, organic agriculture and green agriculture;

- Developing incentive network of agriculture, forestry, and fisheries; providing training courses, sharing knowledge and experience to agriculture, forestry and fishery extension workers;

- Assisting aquaculture and fishing activities; increasing community participation in management of coastal fisheries resources, environment protection and diseases control;

- For rural infrastructure: developing infrastructure for production such as irrigation works, pumping stations, inter-communal roads, clean water works, toilets, etc.;

- Building models for new rural development; developing different trades and sectors, handicrafts and fine arts articles, production, and small-scale services; supporting economic restructuring through increasing non-agricultural incomes; providing support to the output of agricultural products;

- Carrying prevention and control of plant and domestic animal epidemics;

- Conducting scientific research in agriculture, forestry, fishery, and rural development; support to research and production application of domestic animals and plants in adaptation to climate change.

e) Addressing social issues:

- Assisting education for disadvantaged children (orphans, children with disabilities, and homeless children);

- Providing support for the elderly, disabled people, and disadvantaged people;

- Building houses for poor and disadvantaged people, particularly in the remote, rural and/or ethnic minority areas and areas vulnerable to natural disasters;

- Providing facilities, equipment, human resources and finance for social protection centers for the elderly, disadvantaged people and underprivileged people;

- Preventing domestic violence, women and child trafficking and abuse, supporting social reintegration of trafficking victims; disseminating information and raising public awareness about gender equality;

- Disseminating information on prevention and minimization of traffic and disaster-related accidents.

f) Environmental issues, response to climate change, prevention, control and mitigation of disasters, and emergency relief:

- Protecting and improving living and natural environment, conserving wild animals and biodiversity, and responding to and mitigating impacts of climate change; implementing projects on support for sustainable management of natural resources;

- Disaster prevention and mitigation; afforestation and protection (including mangrove wave-shielding forests); building early warning systems and flood shelters; provision of skill training in responding to disasters, etc.;

- Effective and sustainable usage of land, water, air and forest resources; adaption to climate change and development of green technologies;

- Raising public awareness about climate change, environmental protection, and fighting all actions against wild animals: trading, keeping in cage, and killing;

- Supporting models for environmental pollution control in animal farming, concentrated landfills for garbage disposal and models for disposal of rural household garbage;

- Supporting models for raising community-based capacity to respond to climate change and building rational resilience livelihood models;

- Providing emergency relief; re-constructing infrastructure facilities and restoring production activities in case of disasters;

- Supporting prevention of and response to nuclear radiation leaks and toxic chemical dispersion.

g) Remedies for war consequences:

- Dealing with post-war residual unexploded ordnances and toxic chemicals;
- Assisting the building of databases on bombs, mines, unexploded ordnances and toxic chemicals;
- Providing education for prevention of bombs-or-mines-caused accidents;
- Providing assistance for victims of agent orange/dioxin, bombs, mines and explosive materials;
- Supporting socio-economic development and resettlement in areas polluted by residual unexploded ordnances and toxic chemicals.

h) Culture, sports and tourism:

- Supporting conservation, research and promotion of values of historical-cultural relics as well as intangible cultures, folk cultures and traditional cultures of ethnic minority groups;
- Developing sports and physical activities for the people, including those in schools; supporting the training of coaches and athletes; providing equipment for community-based sports activities, including for people with disabilities in difficulty-hit, remote and mountainous areas;
- Supporting development of sustainable tourism, green tourism, agricultural tourism, and community-based tourism.

3. Region-based priority orientations: Providing priority for poor provinces and mountainous provinces where ethnic minority people live. Specific priorities should be identified based on practical conditions of each locality.

a) For rural areas:

- Providing support for poor districts under the Prime Minister's Decision No. 275/QĐ-TTg of March 7, 2018 to approve the list of poor districts and districts for ending poverty for the period of 2018-2020 and projects on poverty reduction support by the criteria on new poverty standards stated in the Prime Minister's Decision No. 59/2015/QĐ-TTg of November 19, 2015.
- Supporting socio-economic development in ethnic minority areas;
- Providing vocational education; developing handicrafts; creating job opportunities and incomes in the non-agricultural sector; supporting the performance of microfinance programs, cooperatives and groups of cooperatives engaged in handicrafts and fine arts production;
- Developing incentives for agriculture, forestry and fishery; supporting the development of production infrastructure facilities like hydraulic structures, pump stations, and inter-village roads, etc.; building integrated rural

development and region-based rural development models and promoting specific characteristics and advantages of each region, thus, developing new rural development models;

- Training medical workers; providing support for medical worker-training schools through sharing experience and exchanging training methods and operations; developing health care infrastructure facilities through upgrading, building, and providing equipment for hospitals and provincial-level specialized health centers, district-level health centers and commune-level health stations; supplying clean water and improve environmental sanitation;

- Prevention and control of HIV/AIDS; providing support and medical treatment for people with HIV/AIDS; preventing, controlling and reducing harms of drugs with disseminating information about risks and dangers of HIV/AIDS, promoting the use of safe contraceptive methods; providing support for population activities like family planning, control of birthrate; information dissemination for raising public awareness about population work and reproductive health care, etc.;

- Training teachers of all education levels, giving priority to teachers of preschools, primary schools and lower secondary schools in deep-lying, remote and ethnic minority areas; building education infrastructure; consolidating primary schools and lower secondary schools and their branches, preschools and kindergartens, boarding schools for ethnic minority students, and boarding and semi-boarding facilities for ethnic minority children;

- Assisting people in difficult circumstances (orphans, helpless children, people with disabilities, the elderly, etc.);

- Remediating war consequences (disarming unexploded ordnances, carrying out sedentary farming and resettlement, raising public awareness about risks of bombs, mines and unexploded ordnances, and providing support for war and agent/orange victims, etc.);

- Protecting improving environment (afforestation and forests protection, including mangrove forests); conserving wild animals and biodiversity; conserving cultural heritages; building capacity to respond to impacts of climate change;

- Developing models for community-based disaster prevention, control and reduction.

b) For urban areas:

- Providing vocational education with job creation;

- Developing handicrafts; providing support for the development of small- and medium-sized enterprises;

- Providing health care and medical support for specialized health establishments and those providing social work-related services; training and retraining medical workers;

- Providing support for people in difficult circumstances (orphans, helpless children, people with disabilities, and the elderly, etc.), victims of abuse, trafficking or domestic violence, migrant workers, and those subjected to relocation and resettlement, etc.

- Preventing and control HIV/AIDS, drugs and prostitution;

- Protecting and improving urban environment and transport.

Part 2

MEASURES FOR IMPLEMENTATION AND DUTIES OF AGENCIES

I. MEASURES

1. To disseminate and raise the awareness of administrations at all levels, mass organizations and the people about foreign non-governmental affairs and the significance of increasing cooperation and non-governmental aid from foreign non-governmental organizations, donors and other partners.

2. To continue improving the legal environment and reforming administrative procedures to create a favorable environment for foreign non-governmental organizations and other donors to provide aid and effectively implement programs and projects for Vietnam.

3. To strengthen the dissemination of information about cooperation with foreign non-governmental organizations and other donors and about the mobilization and management of foreign non-governmental aid:

a) To disseminate the Party's and State's guidelines and policies and Vietnam's law to foreign non-governmental organizations and other donors, helping them properly understand and fully implement relevant provisions of Vietnam's law;

b) Ministries, sectors, localities and relevant agencies should enhance the responsibility to coordinate, exchange and share with the Committee for Foreign Non-Governmental Organizations information about foreign non-governmental organizations and donors; the receipt and implementation of foreign non-governmental aid projects, programs and amounts for Vietnam; and the management of operation of foreign non-governmental organizations in Vietnam;

c) To improve comprehensive and interconnected databases to meet the requirements for quick and accurate search of information about foreign non-governmental cooperation, including aid amount from foreign non-governmental organizations, donors and other partners that Vietnamese agencies, organizations and localities need.

4. To innovate and diversify modes and subject matters of cooperative relations and mobilization of foreign non-governmental assistance:

a) To enhance the proactiveness of agencies, organizations and localities in establishing and maintaining cooperative relations and mobilizing foreign non-governmental assistance;

b) To enhance the proactive participation in multilateral international cooperation mechanisms of foreign non-governmental organizations and donors to attract aid programs to Vietnam;

c) To promote initiatives in building a network of experts, scholars, prestigious social activists, and entrepreneurs, both Vietnamese and foreign that will act as an intermediary to support relationships with foreign non-governmental organizations and donors and participate in exchanging experience and sharing information in mobilization and use of foreign non-governmental assistance both at home and abroad.

5. To strengthen inspection, examination, supervision and assessment to improve the use effectiveness of foreign non-governmental assistance:

a) To improving the quality of inspection, examination and supervision activities;

b) To increase the community participation in supervision activities;

c) To ensure publicity and transparency of foreign non-governmental aid programs.

6. To build capacity for agencies, organizations and individuals in foreign non-governmental affairs:

a) To consolidate and raise the professional capacity of the agency in charge of foreign non-government aid relations and mobilization under the Vietnam Union of Friendship Organizations to meet the assigned task requirements;

b) To strengthen training and retraining activities for improving political qualities and professional qualifications, and skills in mobilizing and implementing programs and using foreign non-governmental aid for those working in foreign non-governmental affairs for agencies, organizations at all levels and in all sectors;

II. DUTIES OF AGENCIES

1. The Committee for Foreign Non-Governmental Organizations shall:

- a) Accelerate and monitor the implementation of the program;
- b) Report and propose the Prime Minister all adjustments needed in the new situations following the orientation for mobilization of foreign non-governmental assistance.

2. The Vietnam Union of Friendship Organizations shall act as the focal point agency in:

a) Establishing cooperation with foreign non-governmental organizations and mobilizing their assistance for Vietnam in accordance with related regulations;

b) Monitoring, summarizing and sharing with central agencies and organizations and localities all information about Vietnam's cooperation with foreign non-governmental organizations, and about the mobilization of foreign non-governmental assistance;

c) Guiding foreign non-governmental organizations and other donors in providing foreign non-governmental assistance to Vietnam in accordance with the Party's guidelines local laws;

d) Organizing training and retraining courses for agencies, organizations and localities with knowledge and skills in mobilizing non-governmental aid and implementing programs and projects sponsored by foreign non-governmental organizations and other donors.

3. Ministries, ministerial-level agencies, government agencies, municipalities' People's Committees shall:

a) Detail their tasks based on their state management functions and duties to implement the program;

b) Review legal provisions and propose that competent agencies amend or issue relevant legal documents;

c) Organize the inspection and examination of the implementation of foreign non-governmental aid-based programs;

d) Coordinate with and support the Committee for Foreign Non-Governmental Organizations in implementing the program.

4. Funds to the implementation of the program come from the state budget and contributions from other domestic and foreign lawful financial sources. Ministries, branches, municipalities' People's Committees, and Vietnam Union

of Friendship Organizations shall formulate annual cost estimates based on their assigned tasks and the Law on the State Budget, submitting them to competent authorities for decision afterward.

**FOR. PRIMINISTER
VICE PRIMINISTER**

(Signed)

Pham Binh Minh

No: 1225/QĐ-TTg

Hanoi, le 17 Septembre 2019

DÉCISION

**Promulguant le Programme National de Renforcement de la
Coopération et de la Mobilisation des Aides non-gouvernementales
étrangères pour la période 2019-2025**

Vu la Loi du 19 Juin 2015 sur l'Organisation du Gouvernement;
Vu le Décret no 138/2016/NĐ-CP du 01 Octobre 2016 promulguant les
Règlementations de l'Opération du Gouvernement ;
Sur la proposition du Président du Comité des Affaires pour les
Organisations non-gouvernementales étrangères,

DÉCIDE

Article 1. La présente Décision est promulguée avec le Programme National de Renforcement de la Coopération et de la Mobilisation des Aides non-gouvernementales étrangères pour la période 2019-2025.

Article 2. La présente Décision prend effet à la date de signature.

Article 3. Les Ministres; Chefs d'organismes au niveau ministériel et d'agences sous la houlette du Gouvernement; Les Présidents des Comités Populaires des provinces et des villes à gestion centrale; Le Président du Comité des Affaires pour les Organisations non-gouvernementales étrangères; Les Chefs des agences et organisations concernant sont responsable de mettre en œuvre la présente Décision.

À l'attention de :

- Le Secrétariat du Comité central du Parti;
- Le Premier Ministre, des vice-Premiers ministres;
- Les Ministères, les Agences équivalents, les agences sous la houlette du Gouvernement;
- Les Comités Populaires des provinces et des villes sous la gestion centrale;
- Bureau central du Parti et les Départements du Parti;
- La Cour populaire suprême;
- Parquet populaire suprême;
- Le Comité central du Front de la Patrie du Vietnam;
- Le Comité des Affaires pour les Organisations non-gouvernementales étrangères;
- L'Union des organisations d'amitié du Viet Nam;
- Cabinet du Gouvernement: Le Ministre responsable du Gouvernement, Directrice adjointe du Cabinet du Gouvernement Mai Thi Thu Van, Assistant du Premier Ministre; Département de Secrétariat;
- Fichier: Secrétariat, Dép. des Relations internationales (3). TA32

**POUR LE PREMIER MINISTRE
VICE - PREMIER MINISTRE**

(Signature et cachet)

Pham Binh Minh

**PROGRAMME NATIONAL DE RENFORCEMENT DE LA
COOPÉRATION ET DE LA MOBILISATION DES AIDES NON-
GOUVERNEMENTALES ÉTRANGÈRES
POUR LA PÉRIODE 2019-2025**

*(Promulgué avec la Décision no 1225/QĐ-TTg le 17/9/2019
par le Premier Ministre du Gouvernement)*

Partie 1
LA DESCRIPTION DU PROGRAMME

I. LES BASES

Le Programme National de Renforcement de la Coopération et de la Mobilisation des Aides non-gouvernementales étrangères pour la période 2019-2025 (appelé Programme National pour la période 2019-2025), est créé sur la base des références suivantes:

- Documents du 12ème Congrès National du Parti communiste du Vietnam;
- Stratégie de Développement Socio-économique pour 2011-2020;
- Stratégie de Développement Durable pour 2011 - 2020;
- Résolution n°142/2016/QH13 du 12 Avril 2016 de l'Assemblée Nationale de la République Socialiste du Vietnam sur le plan quinquennal de développement socio-économique 2016-2020;
- Décision n°40/QĐ-TTg du 07 Janvier 2016 du Premier Ministre approuvant la stratégie globale d'intégration internationale 2020 à 2030;
- Décision 622/QĐ-TTg du Premier Ministre, du 10 Mai 2017, promulguant le Plan d'action national pour la mise en œuvre de l'ordre du jour 2030 pour le développement durable.

II. LE PRINCIPE DE MOBILISATION

1. Le Vietnam encourage et crée des conditions favorables aux activités pour but humanitaires et pour le développement des organisations non gouvernementales et des donateurs étrangers, contribuant ainsi à promouvoir des relations de coopération et d'amitié entre les peuples vietnamiens avec les peuples de tous les pays et contribuant au développement du pays, consolidant la paix dans le monde.

2. Assurer la publicité, la transparence, la responsabilité d'expliquer des parties et la participation des habitants dans la mise en œuvre d'activités de

coopération avec des organisations non-gouvernementales étrangères au Vietnam.

3. Construire et renforcer la coopération avec les organisations non-gouvernementales étrangères et les autres partenaires développés sur la base de la diplomatie politique du Viet Nam.

4. La mobilisation et la réception de l'aide non-gouvernementale étrangère doivent être conformes à la législation vietnamienne; l'orientation et la politique de développement de l'État vietnamien à chaque période; l'orientation et la priorité des ministères, des branches et des localités dans chaque domaine spécifique.

III. LES OBJECTIFS

1. Objectif général: renforcer la coopération et améliorer l'efficacité de l'aide non-gouvernementale étrangère afin de promouvoir les relations entre les vietnamiens avec les pays du monde entier, contribuant ainsi à la reculée de la pauvreté et au développement socio-économique et le développement durable au Vietnam.

2. Objectif détaillé:

a) Consolider, élargir et renforcer l'amitié et la coopération du Vietnam avec les organisations non-gouvernementales et les autres partenaires de développement;

b) Maintenir, accroître la valeur et l'efficacité de l'aide non-gouvernementale étrangère;

c) Faire en sorte que les amis internationaux comprennent le point de vue, la politique diplomatique et ainsi de la politique d'intégration internationale et de construction nationale du Parti et de l'État du Viet Nam.

IV. LES PRIORITÉS

1. Orientation sectorielle: Il s'agit des domaines dans lesquels les organisations non-gouvernementales étrangères ont des avantages et conviennent avec les priorités du Vietnam.

a) L'éducation et la formation:

- Aide à la formation d'enseignants à tous les niveaux, en accordant la priorité aux enseignants du préscolaire, du primaire et du secondaire dans les zones rurales, situées dans des lointaines, des minorités ethniques et des enseignants pour enfants handicapés;

- Construction d'infrastructures éducatives: soutien à la construction d'écoles et à l'amélioration d'installations dans les établissements d'enseignement à tous les niveaux; la mise en place d'un système d'internats d'écoles et demi-pensions pour les minorités ethniques; développer un système de bibliothèque conforme aux exigences de chaque niveau;

- Échanger l'éducation, soutenir l'enseignement et l'apprentissage des langues étrangères, fournir des enseignants bénévoles aux écoles de formation spécialisée, des lycées;

- Octroyer des bourses aux étudiants en difficulté, en particulier aux étudiants à une minorité ethnique, à des bourses de formation locale et à l'étranger;

- Soutenir la formation aux technologies de l'information dans les écoles secondaires, en particulier dans les zones rurales, montagneuses, les zones où vivent des minorités ethniques.

- Soutenir l'élaboration des programmes de formation avancée, soutenir le renforcement du système d'accréditation, évaluer la qualité, fournir des bourses, renforcer les échanges, la mise en réseau, la coopération en matière de formation, la recherche scientifique, transfert de technologie, renforcement du lien entre formation et pratique, entre écoles et entreprises ...

b) La santé:

- Former des agents médicaux: soutenir la formation des agents médicaux par le partage d'expériences, des échanges méthodologiques et professionnels; l'octroi de bourses à la formation locale et à l'étranger des agents médicaux;

- Développer les infrastructures de santé: mise à niveau, construction, fourniture d'équipements, transfert de technologie ... aux hôpitaux spécialisés centraux/provinciaux, centres médicaux dans les arrondissements et les dispensaires communaux;

- Soutenir la mise en œuvre de programmes nationaux de santé: la prévention et les activités contre le VIH/SIDA, soutien et traitement des personnes vivant avec le VIH/SIDA, prévention et réduction des dommages de drogues, propager sur les risques et les dangers, propager l'utilisation de méthodes contraceptives; activités de population telles que la planification familiale, le contrôle du taux des naissances, la propagande, l'amélioration des connaissances sur la population, les soins de santé en matière de reproduction, la réduction de la mortalité maternelle et infantile;

- Soutenir des programmes de prévention de la malnutrition, en particulier de la malnutrition maternelle et infantile et de la myopie scolaire chez les enfants, en vue d'améliorer l'hygiène et la sécurité des aliments;

- Soutenir la mise en œuvre de programmes de recherche sur les essais cliniques, les maladies infectieuses, l'échange d'expérience, le transfert de technologie pour lutter contre les épidémies et les prévenir à grande échelle.

- Soutenir le renforcement des capacités des centres de contrôle des maladies.

c) La formation et éducation professionnel:

- Soutenir la formation professionnelle en priorité les zones rurales, les zones en voie d'urbanisation, les zones industrialisées et les zones suburbaines;

- Élaborer des programmes de formation professionnelle en ligne avec les orientations de développement des métiers en partageant les expériences sur des modèles efficaces de formation professionnelle;

- Bien équiper pour la formation professionnelle: construction des bâtiments et fourniture d'équipements pour la formation professionnelle dans le système des écoles et des centres de formation professionnelle;

- Fournir des experts et des enseignants de haute qualité;

- Formation professionnelle associée à la création d'emplois pour les personnes vulnérables de la société, les personnes handicapées, les minorités ethniques, les travailleurs migrants ...

d) Agriculture, foresterie, pêche et développement rural:

- Soutenir le développement de l'agriculture de haute technologie, de l'agriculture biologique et de l'agriculture verte;

- Développer les réseaux de vulgarisation agricole, forestière et de la pêche, formation et partage des connaissances et des expériences pour les agents de vulgarisation agricole, forestier et de la pêche;

- Soutenir l'aquaculture et la pêche, accroître la participation des communautés à la gestion de la pêche côtière et à la gestion de l'environnement et des épidémies;

- Infrastructures rurales: développer des infrastructures de production telles que des travaux d'irrigation, des stations de pompage, des routes inter-villages, des ouvrages d'approvisionnement de l'eau propre, des toilettes ...;

- La réforme rurale; développement de l'artisanat, des beaux-arts, de la production et des services en petite envergure; soutenir la restructuration économique en augmentant les revenus non agricoles; soutien à la recherche du marché pour les produits agricoles;

- Prévention et contrôle des maladies chez les plantes et les animaux;

- Recherche scientifique dans les domaines de l'agriculture, de la foresterie, de la pêche et du développement rural; soutenir la recherche et l'application de l'élevage et de la production végétale pour s'adapter au changement climatique.

đ) Résoudre des problèmes sociaux:

- Éduquer et aider les enfants défavorisés (tels que les orphelins, les enfants handicapés et les enfants sans défense);

- Soutenir aux personnes âgées, aux personnes handicapées et aux personnes en difficultés;

- Construire des logements pour les pauvres et les défavorisés, en particulier dans les zones reculées, rurales ou il y a des minorités ethniques et dans les zones souvent touchés par les catastrophes naturelles;

- Soutenir les installations matérielles, les équipements, les ressources humaines et les finances des centres de protections sociales pour les personnes âgées, défavorisées et vulnérables;

- Prévention de la violence familiale, du trafic et de la maltraitance des femmes et des enfants et soutien aux victimes de la réinsertion sociale; propager et améliorer des connaissances sur l'égalité des sexes;

- Propager, prévenir et minimiser les accidents de la route et les accidents causés par des catastrophes naturelles.

e) Environnement, réponse au changement climatique, prévention des catastrophes naturelles, atténuation de leurs effets et secours d'urgence:

- La protection et l'amélioration de l'environnement, la conservation de la faune et de la biodiversité et l'atténuation des effets du changement climatique; les projets soutenant la gestion durable des ressources naturelles;

- Prévention et atténuation des catastrophes naturelles, plantation et protection des forêts (y compris mangroves et digues), développement de systèmes d'alerte précoce, de systèmes des maisons contre les inondations, formation aux techniques d'intervention en cas de catastrophe naturelles ...;

- Utilisation efficace et durable des ressources en terres, en eau, en air et en forêt; adaptation au changement climatique, développement de technologies vertes;

- Améliorer les connaissances de la communauté sur le changement climatique, la protection de l'environnement et à la prévention du trafic, de la détention et de la mise à mort d'animaux sauvages;

- Soutenir le développement de modèles de traitement de la pollution environnementale dans l'élevage des animaux; soutenir la construction des systèmes de traitement des déchets et de modèles de traitement des déchets au niveau familial dans les zones rurales;

- Soutenir les modèles visant à améliorer la capacité à faire face au changement climatique avec les contributions de la communauté, à développer des modèles de subsistance en s'adaptant au changement climatique;

- Secours d'urgence lors de catastrophes naturelles, reconstruction des infrastructures et reprise de la production;

- Soutien à la prévention des incidents liés aux fuites radioactives, aux radiations nucléaires et à la dispersion de produits chimiques toxiques.

f) Surmonter les conséquences de la guerre:

- Manipulation de matières non explosées et de produits chimiques toxiques laissés après la guerre;

- Soutenir la création d'une base de données sur les mines terrestres, les munitions non explosées et les produits chimiques toxiques;

- Éduquer à la prévention des accidents à la bombe et aux mines;

- Soutien aux victimes de l'agent Orange/dioxine, des mines antipersonnel/UXO;

- Soutien au développement socio-économique et à la réinstallation dans les zones polluées par des matières non explosées et des produits chimiques toxiques résiduels;

g) Culture, sport et tourisme:

- Soutenir la préservation, la recherche et la promotion des vestiges culturels historique et la culture immatériels historiques, culturels traditionnels des minorités ethniques;

- Renforcer et développer les activités sportives chez les peuples, les activités d'entraînement physique et sportif dans les écoles, soutenir à former des entraîneurs, des athlètes et soutenir l'équipement servant au sports chez les peuples, au sport pour les handicapés dans les zones défavorisées, isolées et montagneuses;

- Soutenir le développement du tourisme durable, du tourisme vert, du tourisme agricole et du tourisme communautaire.

2. Orientation géographique: Mettre le cap sur les provinces pauvres, montagneuses où vivent des minorités ethniques. Le contenu prioritaire spécifique devrait être déterminé en fonction de la situation réelle dans chaque localité.

a) Zone rurale:

- Soutien aux districts pauvres en vertu de la Décision 275/QĐ-TTg du 7 Mars 2018 du Premier Ministre approuvant la liste des districts pauvres et ceux sortis de la pauvreté en 2018-2020 et projets de soutien à la réduction de la pauvreté selon les critères énoncés dans la Décision 59/2015/QĐ-TTg du Premier Ministre du 19 Novembre 2015 sur le nouveau seuil de pauvreté.

- Soutenir le développement socio-économique dans les zones à minorités ethniques;

- Formation professionnelle; développer les métiers d'artisanat; créer des emplois et des revenus non agricoles; soutenir les programmes de micro finance; soutenir les coopératives et les groupes coopératifs d'artisanat;

- Développer la vulgarisation agricole, forestière et de la pêche; soutenir le développement d'infrastructures de production telles que les travaux d'irrigation, les stations de pompage, les routes inter-villages ...; construire des modèles de

développement rural combiné, développement rural par région, promouvoir les caractéristiques et les avantages de chaque région et compléter les nouveaux modèles de réforme rural;

- Formation des agents médicaux; aider les écoles à former les agents de santé en partageant des expériences, des échanges méthodologiques et professionnels; développer des infrastructures médicales telles que la modernisation, la construction et la fourniture d'équipements pour les hôpitaux et les centres spécialisés provinciaux, les centres de santé aux districts et ceux des communes; approvisionnement en eau propre, amélioration de l'assainissement de l'environnement;

- Prévention et contrôle du VIH/SIDA, soutien et traitement des personnes vivant avec le VIH/SIDA, combattre et réduire des méfaits des drogues, propagande sur leurs risques et leurs dangers, propagande sur la contraception sans risque, soutenir les activités de la population telles que la planification familiale, le contrôle des naissances, la propagande, amélioration des connaissances sur la population, les soins de santé en matière de reproduction, etc.

- Former les enseignants à tous les niveaux, en accordant la priorité aux enseignants du préscolaire, du primaire et du secondaire dans les zones reculées, isolées ou vivent les minorités ethniques; la construction d'infrastructures éducatives, la consolidation du système d'écoles, des branches des écoles primaires et secondaires des écoles maternelles, des pensionnats ethniques, et des semi-internats pour enfants minorités ethniques;

- Aider les personnes en difficulté (orphelins, enfants sans défense, personnes handicapées, personnes âgées, etc.);

- Surmonter les conséquences de la guerre (dégagement des matériels non explosés et remise en culture et réinstallation, améliorer les connaissances sur les dangers des bombes/mines et les munitions non explosés, assistance aux victimes de la guerre et aux victimes de l'agent orange...);

- Protéger et améliorer l'environnement (planter et protéger les forêts et les mangroves); conservation de la faune et de la biodiversité; préserver les héritages culturels; faire face aux impacts du changement climatique;

- Développement de modèles de prévention et d'atténuation des catastrophes naturelles à base communautaire.

b) Zone urbaine:

- Formation professionnelle associées à la création d'emplois;
- Développement des métiers de l'artisanat et; soutenir le développement des petites et moyennes entreprises;
- Soins de santé, soutien aux établissements de soins médicaux spécialisés, prestataires de service social; formation et reformation des agents médicaux;

- Aide aux personnes en difficultés (orphelins, personnes sans défense, personnes handicapées, personnes âgées, etc.), victimes d'abus, de trafic, de violences familiales, de travail immigration, migration, réinstallation ...,
- Prévention et contrôle du VIH/SIDA, de la drogue et de la prostitution;
- Protéger et améliorer l'environnement et les circulations urbains.

PARTIE 2

MESURES ET ORGANISATION DE LA MISE EN ŒUVRE

I. LES MESURES

1. Divulguer aux autorités et les peuples pour faire saisir à fond les affaires des organisations non gouvernementales et l'importance du renforcement de la coopération avec les organisations non-gouvernementales, donateurs et autres partenaires étrangers.

2. Continuer à améliorer les bases juridiques, réformer les procédures administratives afin de créer un environnement favorable permettant aux organisations non-gouvernementales et aux autres donateurs étrangers de bien mettre en œuvre les programmes/activités au Viet Nam.

3. Améliorer la diffusion et le partage d'informations sur la coopération avec les organisations non -gouvernementales, les autres donateurs étrangers et la mobilisation, la gestion de l'aide non-gouvernementale étrangère:

a) Diffuser l'orientation, les politiques du Parti et de l'État ainsi que les lois vietnamiennes aux organisations non-gouvernementales et à d'autres donateurs étrangers pour qu'ils comprennent et appliquent correctement et pleinement dispositions pertinentes de la loi vietnamienne;

b) Les ministères, les branches, les localités et les organismes concernant doivent renforcer leur responsabilité en matière de coordination, d'échange et de partage avec Le Comité des Affaires pour les Organisations non-gouvernementales étrangères et les autres agences compétentes des informations concernant les organisations non gouvernementales, donateurs étrangers; la réception et la mise en œuvre de projets, programmes et subventions non-gouvernementaux étrangers pour le Vietnam et la gestion des opérations d'organisations non-gouvernementales étrangères au Vietnam.

c) Compléter une base de données interconnectée pour répondre aux exigences d'une recherche rapide et précise de la situation des relations de coopération; des programmes, des projets et des aides non-gouvernementales étrangères étant la priorités des agences, des organisations, des localités et des organisations non-gouvernementales, des donateurs et d'autres partenaires étrangers pour le Vietnam.

4. Innover et diversifier les modes et les sujets de coopération et mobilisation l'aide non-gouvernementale étrangère:

a) Renforcer l'initiative des agences, organisations et localités dans l'établissement et le maintien de relations de coopération et la mobilisation des aides non-gouvernementales étrangères.

b) Renforcer la participation aux mécanismes de coopération internationale multilatérale, le réseau d'organisations non-gouvernementales et de donateurs étrangers pour attirer des programmes, des projets et des subventions pour le Vietnam;

c) Renforcer l'initiative dans la création de réseau d'experts, de chercheurs, de militants sociaux prestigieux, d'hommes d'affaires vietnamiens et étrangers pour soutenir, accompagner et connecter des relations avec les organisations non-gouvernementales et les donateurs étrangers; et participer à l'échange d'expériences, au partage d'informations sur la mobilisation et à l'utilisation de l'aide non-gouvernementale étrangère, tant au Viet Nam qu'à l'étranger.

d) Établir un réseau pour connecter les Vietnamiens travaillant pour des organisations non-gouvernementales étrangères au Vietnam afin de partager des informations, d'échanger des expériences et de donner des conseils aux organisations non-gouvernementales étrangères de planifier les programmes, projets efficace à long terme au Viet Nam.

5. Renforcer l'inspection, l'examen, la supervision et l'évaluation pour accroître l'efficacité de l'utilisation de l'aide étrangère non gouvernementale:

a) Améliorer la qualité des inspections, des examens et de la supervision;

b) Augmenter la participation de la supervision communautaire;

c) Assurer la publicité et transparence des programmes, projets et subventions étrangers.

6. Renforcement des capacités des agences, organisations et individus sur les affaires non-gouvernementaux étrangers:

a) Consolider et améliorer la capacité professionnelle de l'agence en charge des relations et des mobilisations d'aide non-gouvernementaux étrangers et de coopération de l'Union des Organisations d'Amitié du Vietnam pour qu'elle puisse remplir les missions demandées;

b) Renforcer la formation et l'amélioration la qualité politique et les qualifications professionnelles; habiletés de mobilisation, mise en œuvre de programmes et de projets, utilisation d'aides non gouvernementales étrangères chez les agences, organisations et fonctionnaires participant à des activités non gouvernementales étrangères à tous les niveaux et dans toutes les branches;

c) Établir un réseau pour connecter les Vietnamiens travaillant pour des organisations non gouvernementales étrangères au Vietnam afin de partager des informations, d'échanger des expériences et de donner des conseils à des organisations non gouvernementales étrangères programme d'activités à long

terme, mise en œuvre de programmes et projets pratiques et efficaces pour le Vietnam.

II. LA MISE EN ŒUVRE

1. Le Comité des Affaires pour les Organisations Non-gouvernementales étrangères:

a) Exhorter, surveiller la mise en œuvre Programme;

b) Rapporter et proposer au Premier Ministre d'ajuster l'orientation pour la mobilisation de l'aide non-gouvernementale étrangère (en cas échéance) en adaptant à la situation et des tâches nouvelles.

2. L'Union des Organisations d'Amitiés du Viet Nam est le point focal:

a) En ce qui concerne la coopération, mobilisation des organisations non-gouvernementales en suivant les régulations vietnamiennes;

b) Surveiller, résumer et partager les informations sur la coopération, la mobilisation des aides des organisations non-gouvernementales avec les ministères, les organisations, les localités;

c) Guider les organisations non gouvernementales et les autres donateurs étrangers dans la coopération et l'assistance non gouvernementale étrangère au Vietnam conformément aux directives et politiques du Parti et aux lois du Vietnam;

d) Organiser des formations pour les agences, organisations et localités à acquérir des connaissances et des compétences en matière de mobilisation de l'aide non gouvernementale et de mise en œuvre de programmes et projets menés par des organisations non-gouvernementales, les autres sponsors étrangers.

3. Les Ministères, les agences équivalentes, les agences sous la houlette du Gouvernement, les Comités Populaires des provinces et des villes sous la gestion centrale:

a) Détailler le contenu des travaux à la mise en œuvre du Programme conformément à leur fonctions, tâche de la gestion étatique;

b) Revoir les réglementations juridiques, proposer aux agences compétentes et élaborer, modifier et compléter les documents juridiques pertinents;

c) Organiser l'inspection et le contrôle de la mise en œuvre du Programme conformément à leur fonctions, tâche de la gestion étatique;

d) Coordonner et soutenir au Comité des Affaires pour les Organisations non-gouvernementales étrangères dans la mise en œuvre du Programme.

4. Le budget pour la mise en œuvre du Programme provient du budget de l'État et des autres contributions locales et étrangères conformément à la Loi vietnamienne. Les Ministères, les branches, les Comités Populaires des provinces et des villes sous la gestion centrale, L'Union des Organisations

d'Amitiés du Viet Nam estime le budget annuel correspondant aux tâches assignées et aux dispositions à la Loi de Finance étatique, soumettre aux autorités compétentes.

**POUR LE PREMIER MINISTRE
VICE - PREMIER MINISTRE**
(Signature et Cachet)

Pham Binh Minh

政府首相

番号: 1225/QĐ-TTg

ベトナム社会主義共和国
独立—自由—幸福

ハノイ、2019年9月17日

決定

2019年-2025年協力強化及び外国非政府組織援助促進に関する
国家プログラムの公布について

政府首相

2015年6月19日付政府組織法に基づき、
政府の作業規則の公布に関連する2016年10月1日付け政府政令番号
138/2016/ND-CPに基づき、
外国非政府組織事業委員会委員長の提案に基づき、

決定

第1条 本決定に付属される2019年-2025年協力強化及び外国非政府組織援助促進に関する国家プログラムを公布する。

第2条 本決定は、署名日から有効する。

第3条 大臣や省レベル機関、政府機関の長官、地方省や中央直轄市の人民委員会委員長、外国NGO事業委員会委員長、関係機関・組織の長官は、この決定を施行する責任を負う。

送付先:

- 党中央書記局
- 首相、各副首相
- 各省庁、省レベルの機関、政府機関
- 省や中央直轄市人民委員会
- 中央党事務所
- 最高人民裁判所
- 最高人民検察院
- ベトナム祖国戦線中央委員会
- 外国NGO事業委員会
- ベトナム友好協会連合
- 各大衆組織中央機関
- 政府官房：主任大臣、各副主任 Mai Thi Thu Van,
首相 アシスタント, 総務局
- 控え：文書管理室、国際関係局

首相代理
副首相

ファム・ビン・ミン

国家プログラム

2019年-2025年協力強化及び外国非政府組織援助促進に関して
(首相の2019年9月17日付け1225/QD-TTg号決定に従い公布される)

第1部

プログラム内容

I. 作成の根拠文章

2019年-2025年協力強化及び外国非政府組織援助促進の国家プログラム（以下、2019年-2025年国家プログラムという）は、以下の主要な文書を根拠に作成される。

- ベトナム共産党第12回全国大会の文書
- 2011年-2020年経済社会開発戦略
- 2011年-2020年持続可能な開発戦略
- 2016-2020年経済社会開発5か年計画に関するベトナム社会主義共和国国会の2016年4月12日付142/2016/QH13号決議
- 2030年までビジョンや2020年まで国際統合の総合戦略の承認に関する首相の2016年1月7日付40/QD-TTg号決定
- 持続可能な開発を目指す2030アジェンダを実施するための国家行動計画を公布する首相の2017年5月10日付622/QD-TTg号決定

II. 実現原則

1. ベトナムはベトナム人と世界各国の国民との友好協力関係促進、世界平和強化に貢献しようと人道、開発活動を目的とする外国 NGO とドナーの活動を奨励し、便宜を図っている。

2. 外国 NGO とのベトナムにおける協力活動展開において、当事者と国民参加の公開性、透明性、説明責任を確保する。

3. ベトナムの外交路線、政策に基づいて、外国 NGO とドナーとの協力関係を構築・強化する。

4. 外国 NGO 援助の促進と受入れは、ベトナムの法律や各段階におけるベトナム国家の開発政策の方向性、省庁・部門・地域の特定分野における方向性と優先順位と一致しなければならない。

III.プログラムの目標

1. 総合目標: 世界各国とベトナム国民の関係の促進を目指して外国 NGO との協力を強化し、援助の効果を向上し、貧困撲滅、持続可能な経済社会開発に貢献す

2. 具体的な目標

a) 外国 NGO、ドナーとベトナムとの友好協力関係を強化、拡大する。

b) 外国 NGO の援助額と効果を維持、向上する。

c) 各国の友人にベトナム党と国家の外交政策、国際統合と国家建設の路線を理解させる。

II.協力優先内容

1. 分野による優先の方向性: 外国 NGO が優位性をもち、ベトナムの優先事項に合う分野である。

a) 教育訓練

- 農村部・遠隔地・少数民族居住地域の幼稚園・小・中学校の教師や障害児の教師を優先対象に各学級教師の育成を支援する。

- 教育インフラ開発: 学校建設を補助し、各レベルの教育施設のインフラを改善する。少数民族向けの合宿学校、寄宿舎を建設する。各学級の要求に適した図書館システムを開発する。

- 教育交流を行い、外国語教育を支援し、専門集中訓練学校と小・中・高校へボランティア専門教師を派遣する。

- 経済的に困難な学生、特に少数民族の学生に国内外学習の奨学金を与える。

- 小・中・高校、特に農村部・山岳地域・遠隔地・少数民族地域にある学校に IT 教育を支援する。

- 近代的な教育カリキュラム作成を支援し、品質検定、評価システムの強化を支援し、奨学金を提供し、交流・連携・教育協力・科学研究・技術移転を強化し、育成と実践を結びつけ、学校と企業との連携を強化する等。

b) 医療:

- 医療幹部の育成: 経験共有、方法・業務の交換により医療幹部の育成を支援し、医療幹部に国内外学習の奨学金を与える。

- 医療インフラ開発: 中央病院、地方省レベルの病院、郡レベルの医療センター、村診療所の改善、建設を行い、設備、機材、技術移転を提供する。

- 国家目標の保健プログラム実施の支援: HIV/AIDS 防止活動や HIV/AIDS 患者への支援と治療を行う。麻薬による被害を防止、削減する。麻薬の危険性の宣伝を行う。安全な避妊法利用を宣伝する。家族計画、出産制限、人口意識の宣伝、向上、産婦健康の世話、母子死亡率の減少を目指している。

- 栄養失調防止プログラム、特に母親、児童の栄養失調の防止を支援し、児童の近視進行予防、食品衛生安全改善を支援する。

- 臨床試験・感染症の研究プログラム実施や経験交換や大規模な流行の伝染病の対応。防止のための技術移転を支援する。

- 感染症管理センターの能力の養成、向上を支援する。

c) 職業の育成訓練

- 農村部、都市化地域、工業化地域、都市郊外を中心に職業の育成訓練を支援する。

- 職種発展の方向性に沿った職業育成訓練のカリキュラムを作成し、効率的な職業訓練モデルに関する経験を共有する。

- 職業育成訓練のための施設開発：職業訓練学校・センターのため施設を建設し、機材・設備を提供する。

- 専門家及び優秀な専門教師を提供する。

- 社会的弱者、障害者、少数民族、移住民労働者のための雇用創出と結びつく職業訓練を行う。

d) 農林漁業及び農村開発

- ハイテク農業、有機農業、グリーン農業の発展を支援する。

- 農林漁業激励ネットワークを発展し、農林漁業幹部を対象に育成、研修、知識・経験の共有を行う。

- 水産物の養殖、漁獲を支援し、沿岸水産物資源管理、環境保護、感染症防止におけるコミュニティの参加を強化する。

- 農村インフラ：灌漑施設、ポンプ場、村落間道路、浄水場、トイレなどの生産インフラを開発する。

- 新型農村を開発する。地場産業、手工芸品、小規模生産・サービスを発展する。非農業収入の増加により経済構造変更を促進する。農産物の出荷を支援する。

- 動植物の疫病を防止、制御する。

- 農林漁業及び農村開発に関する科学研究を行う。気候変動に適応する家畜と作物生産の研究、応用を支援する。

d) 社会問題への対処

- 恵まれない子どもたち（孤児、障害児、頼る人がいない子ども）を育成、支援する。

- 高齢者、障害者、困難な状況にある人々への支援を行う。

- 遠隔地、農村部、少数民族地域および災害に脆弱な地域で、生活困難な人々のために住宅を建てる。

- 高齢者、生活困難な人、弱者を世話する社会保障施設に設備、機器、人材、資金を支援する。

- 家庭内暴力や女性と子どもの人身売買、性的暴行を防止し、被害者の社会復帰を支援する。男女平等の意識を宣伝、向上する。

- 交通事故や災害による事故について宣伝、防止、減少する。

- 環境、気候変化対応、自然災害防止・減少及び緊急救助

- 生活環境や自然環境を保護・改善し、野生動物と生物多様性を保全し、気候変動の影響を対処・削減する。持続可能な自然資源管理の支援プロジェクトを実施する。

- 自然災害を防止・軽減し、森林（マングローブと防波林を含む）を植林・保護する。早期警戒システムや洪水対応住宅を建設し、災害対応スキルを育成するなど。

- 土地、水、空気、森林資源の効率的かつ持続可能な利用、気候変動への適応、グリーンテクノロジーの開発。

- 気候変動、環境保護に関するコミュニティの意識を高め、野生動物の売買、屋における飼育、殺害を防止する。

- 家畜飼育による環境汚染処理のモデルの開発を支援する。集中廃棄物処理場と農村部の家庭廃棄物処理モデルの構築を支援する。

- コミュニティにより気候変動対応能力向上のモデルを支援し、気候変動に適応する生計モデルを構築する。

- 自然災害時の緊急救助を行い、インフラストラクチャの再建、生産復旧を行う。

- 放射能・核放射線の漏れ、有毒化学物質の拡散などの事故の防止、対処を支援する。

f) 戦争爪痕克服

- 戦後残留の不発弾、有害化学物質を処理する。

- 爆弾、地雷、不発弾、有害化学物質に関するデータベースシステムの開発を支援する。

- 爆弾、地雷による被害予防を教育する。

- 枯葉剤/ダイオチン中毒被害者や爆弾・地雷・爆発物の被害者を援助する。

- 不発弾、残留有害化学物質に汚染された地域における経済社会開発と再定住を支援する。

g) 文化、スポーツ、観光

- 歴史・文化遺跡、無形文化、民俗文化、少数民族の伝統文化の価値を保存、研究、発揮することを支援する。

- 全国民のスポーツ運動や学校の体育体操を強化・発展し、コーチ、選手の育成を支援し、困難な地域・遠隔地・山岳地帯に於けるコミュニティスポーツ、障害者スポーツへの設備装備の提供を支援する。

- 持続可能な観光、グリーンツーリズム、農業観光、共同体観光の発展を支援します。

2. 地域優先方向性：貧しい省や山岳地帯の省、少数民族の居住地域を優先する外国 NGO 援助に地域方向性を付ける。具体的な優先内容は、各地域の実情をベースに決定される。

a) 農村部

- 2018-2022 年貧困郡、貧困脱出郡のリストの承認に関する 2018 年 3 月 7 日付 275/QD-TTg 号首相決定に基づいて貧困郡を支援し、新規貧困基準に関する 2015 年 11 月 19 日付け 59/QD-TTg 号首相決定に定められた基準による貧困削減支援プロジェクトを実施する。

- 少数民族居住地域の経済社会発展を支援する。

- 職業を育成訓練する。手工芸品産業を開発する。雇用と非農業収入を創出する。小規模財政プログラムを支援する。手工芸品の協同組合、協同グループを支援する。

- 農林漁業の発展を激励する。灌漑施設、ポンプ場、村落間道路などの生産インフラ開発を支援する。総合的な農村開発モデルを構築する。それぞれ地域の特徴、利点を発揮させる地域による農村を開発する。新型農村開発モデルを補充する。

- 医療幹部を育成する。経験共有、手法・業務交換により医療幹部訓練校を支援する。中央病院、地方省レベルの病院、郡レベルの医療センター、村レベルの診療所における機材や施設を改善・建設・供給し、医療インフラを開発する。水道供給、環境衛生改善。

- HIV/AIDS を防止する。HIV/AIDS 患者を支援、治療する。麻薬による被害を防止、削減する。麻薬の危険性の宣伝を行う。安全な避妊法利用を宣伝する。家族計画、出産制限、人口意識の宣伝、向上、産婦健康の世話など人口活動を支援する。

- 各学級の教師を育成し、遠隔地・少数民族居住地域の幼稚園・小・中学校の教師の育成を優先する。教育インフラを整備し、小学校・中学校とその分校、保育園、幼稚園、少数民族向け合宿学校とその宿泊施設を補強建設する。

- 生活困難な人を支援する（孤児、頼る人がいない子ども、障害者、高齢者等）。

- 戦後爪痕克服（不発弾処理、定着農業・再定住の促進、爆弾・地雷・不発弾の危険性に対する意識向上、戦争被害者・枯葉剤被害者を支援する）。

- 環境の保護、改善（森とマングローブの植林、保護）。野生動物及び生物多様性を保存する。文化遺産を保全する。気候変動の影響に対応する。

- 自然災害の影響をコミュニティにより防止、減少するモデルを開発する。

b) 都市部

- 雇用創出と結びついた職業訓練を行う。

- 手工芸品産業を発展する。中小企業の発展を支援する。

- ヘルスケア。専門医療施設及び社会サービス提供の医療施設を支援する。医療

- 生活困難な人（孤児、頼る人がいない子ども、障害者、高齢者等）、性暴行被害者、人身売買された人、家庭暴力被害者、移住労働者、移民、再定住者などを支援する。

- HIV/AIDS、麻薬、売春を防止する。

- 環境と都市交通を保護、改善する。

第2部

実施及び実施機関

I. 実施方法

1. 外国 NGO 事業や外国 NGO、他の外国開発パートナーとの協力強化の意味に関する当局、団体、国民の意識を理解、向上させる。

2. 外国 NGO 及び他の外国パートナーがベトナムにおけるプログラムとプロジェクトを効果的に実施するために法律整備、行政手続き改革を行い、有利な環境を提供する。

3. 外国 NGO、他のパートナーとの関係及び外国 NGO 援助の誘致、管理に関する情報の普及、共有を強化する。

a) 外国 NGO と他のドナーがベトナム関係法令を遵守するよう党、政府の路線・政策やベトナム法律を宣伝・理解させる。

b) 中央省庁、地方公共団体、関係機関は、外国 NGO と他のドナーの情報やそのプロジェクト、プログラム、援助額の受入れ・展開やベトナムにおける外国 NGO の活動管理業務に関する情報を外国 NGO 事業委員会と共有し相互協調を強化すべき。

c) 協力関係状況やベトナム機関、組織、各地方が誘致したい援助額やベトナム向けの外国 NGO、ドナーのプログラム、プロジェクト、援助金を迅速かつ正確な検索の要求を満たすために包括的かつ相互リンクのデータベースを整備する。

4. 外国 NGO 援助を目指して、協力対象と誘致様式を多様化・革新する。

a) 外国 NGO 援助促進及び協力関係の構築・維持において機関、組織、地方の自主性を強化する。

b) ベトナム向けのプログラム、プロジェクト、援助金を誘致するために、外国 NGO とドナーの多国間国際協力機構に参加することを強化する。

c) 外国 NGO、ドナーとの引き合い、助力、関係構築において専門家、学者、有名な社会活動家、ベトナム・外国人実業家のネットワークを設定する自主性を強化する。外国 NGO 援助促進、利用についての経験交換と情報共有を国内外で行う。

d) ベトナムにおける外国 NGO に勤めるベトナム人ネットワークを構築する。情報共有、経験交換を行い、外国 NGO の長期活動プログラム立案及びベトナムにおける実用的かつ効果的なプログラム、プロジェクトの展開にコンサルティングを提供するためである。

5. 外国 NGO 援助利用の効果を向上させようとする監査、検査、監督、評価の業務を強化する。

- a) 監査、検査、監督の品質を向上させる。
- b) コミュニティの監督参与を強化する。
- c) 外国 NGO のプログラム、プロジェクト、援助額の公開性、透明性を実現する。

6. 機関、組織、個人の外国 NGO 事業能力向上

a) ベトナム友好協会連合の外国 NGO 担当部門の専門能力を養成・向上し、委ねられた任務の要求を満たす。

b) 外国 NGO 事業に関わる中央から地方までの機関、組織、幹部に対し、政治品格、専門能力及び外国 NGO 援助利用のプログラム・プロジェクトの誘致・展開スキルを育成・研修・向上することを強化する。

III. 実施機関

1. 外国 NGO 事業委員会

- a) プログラムの実施を促す。
- b) 新たな状況と任務の要求が生じた場合、外国 NGO 援助促進の方向性の内容を調整するよう首相に報告・提案する。

2. ベトナム友好協会連合は窓口として以下の業務を担当する。

- a) 規定通りの外国 NGO と関係、援助促進
- b) 外国 NGO 援助促進及び協力に関する情報を把握・収集し、中央及び地方の機関・組織との共有をする。
- c) 外国 NGO のベトナムとの援助協力関係において、党の路線、政策やベトナム法律に従って外国 NGO その他パートナーに案内する。
- d) 各機関、組織、地方に対し、外国 NGO の援助促進及び外国 NGO その他ドナーの援助によるプログラム・プロジェクトの実施に関する知識とスキルを育成、訓練する。

3. 各省庁、省レベル機関、政府機関、省及び中央直轄市の人民委員会は、本国家プログラムの規定に基づいて以下の業務を果たす。

- a) 本プログラムを展開するために、自分の当てられた管理機能、任務との符合を基に、業務の具体化を行う。
- b) 法律規定を見直し、権限ある機関に提案し、関係法的文書を作成、修正、補足する。
- c) 外国 NGO 援助使用のプログラム・プロジェクトの実施を監査、検査する。

d) 本国家プログラムの実施において、外国 NGO 事業委員会との協調、支援をする。

4. 本国家プログラムの実施にかかる経費は、国家予算及び国内外の合法的な寄付金から割り当てられる。各省庁、部門、省及び中央直轄市の人民委員会、ベトナム友好協会連合は、委ねられた任務と予算法の規定に従って年度予算案を作成し、権限当局に提出し、承認を得る。

首相代理
副首相

ファム・ビン・ミン

결정

2019-2025 년 협력 강화 및 국제 비정부 기금 동원에 관한 국가 프로그램 발표

정부총리

2015 년 6 월 19 일 정부조직법 및 국제 비정부기구 위원회 의장의 제안에 따라

결정

제 1 조 이 결정과 함께 2019-2025 년에 협력 강화 및 국제 비정부 기금 동원에 관한 국가 프로그램을 첨부한다.

제 2 조 이 결정은 서명일로부터 발효된다.

제 3 조 부처 장관, 부급 기관장 및 정부직속 기관장; 중앙직할시 및 성 등 지방 인민위원회 위원장; 국제 비정부기구 위원회 위원장; 관련 기관 및 조직의 수장 등은 이 결정을 이행한다.

수취인

- 중앙당위원회 사무소
- 정부 총리, 부총리;
- 부처, 부처급 기관, 정부 기관;
- 중앙직할시 및 성 등 지방 인민위원회/단체;
- 중앙 사무소 및 당직속 부서;
- 최고인민법원;
- 최고인민검찰원;
- 베트남 조국 전선 중앙위원회;
- 비정부기구 위원회;
- 베트남 친선협회;
- 단체 중앙기관;
- 정부 사무소: 주임, 부주임, 총리 보좌관, 전자정보 포털 사무국장, 직속부서, 국, 단위, 관보
- 기록 보관서, 국제관계

2019-2025 년 협력 강화 및 국제 비정부 기금 동원에 관한 국가 프로그램

(2019 년 09 월 17 일 1225 번/ QD-TTg 결정과 발행)

1 부

내용

I. 추진배경

2019-2025 년 협력 강화 및 국제 비정부 기금 동원에 관한 국가 프로그램 (이하 2019-2025 년 국가 프로그램)은 아래 문서를 기반으로 작성되었다.

- 제 12 차 베트남 공산당 총회 문서;
- 2011-2020 년의 사회 경제적 개발 전략;
- 2011-2020 년의 지속가능한 개발 전략;
- 2016-2020 년의 5 년간 사회 경제적 개발계획에 관한 142 번/2016/QH13 의 베트남 사회주의 공화국 국회 결의안;
- 2030 년까지의 비전과 2020 년까지의 국제 통합에 대한 전반적인 전략 승인에 관한 2016 년 07 월 07 일에 정부총리가 발행한 40 번/QD-TTg 의 결정;
- 2030 년 지속 가능한 개발을 위한 국가행동계획에 관한 2017 년 10 월 5 일 에 정부총리가 발행한 622 번/QD-TTg 의 결정.

II. 시행원칙

1. 베트남은 인도주의를 지향하고 개발활동에 참여하는 비정부 단체와 해외 후원국에 유리한 환경을 조성·장려함으로써 국민들 사이에 협력적이고 우호적인 관계를 증진하고 국가발전 및 세계평화 강화에 기여한다.

2. 베트남에서 활동 중인 국제 비정부기구와의 협력에 있어서 공개성, 투명성, 책무성 및 주민 참여를 보장한다.

3. 베트남의 외교 정책 및 지침에 근거하여 비정부기구 및 해외 후원국과의 협력 관계를 구축하고 강화한다.

국제 비정부 기금의 동원 및 접수법은 베트남의 법률, 단계별 베트남 국가개발 방향 및 정책, 각 특정분야의 부처, 지부 및 지역의 방향 및 우선 순위를 준수해야 한다.

III. 목표

1. 전반적인 목표: 베트남과 세계 각국의 관계 증진, 빈곤 퇴치, 사회 경제적 발전, 베트남의 지속 가능한 발전을 위한 협력강화 및 국제 비정부 기금의 효력 향상

2. 구체적인 목표

가) 베트남과 국제 비정부기구 및 기타 후원국과의 친선협력관계를 강화 및 확대한다.

나) 국제 비정부 기금의 가치 및 효력을 유지하고 향상시킨다.

다) 세계 국가가 베트남 공산당 및 국가의 국제 통합, 국가개발, 외교 정책에 대해 이해하도록 한다.

IV. 우선 협력내용

1. 일반 방향: 국제 비정부기구의 원조는 베트남의 사회 경제적 개발방향 및 기타 국가목표 프로그램과 일치해야 하며 분야별, 지역별로 계획과 우선순위에 적합해야 한다.

2. 분야별 우선순위 방향: 국제 비정부기구는 베트남의 우선순위에 장점을 가진 적합한 영역이다.

가) 교육 및 연수

- 농촌, 사각지대, 외딴 지역, 소수민족 지역에서의 유치원, 초등학교, 중학교 교사, 장애아동 교사를 우선순위로 하여 모든 학급의 교사 교육 지원;

- 교육 인프라 구축: 모든 학급의 교육 기관에서 학교 건설 및 시설 개선 지원; 소수민족 기숙학교, 기숙사, 반기숙사 시스템 구축, 각 학급의 요구 사항에 따라 맞춤형 도서관 모형 개발;

- 교육 교환, 외국어 교육 및 학습 지원, 심화교육 학교, 고등학교를 위한 자원봉사 전문교사 제공;

- 저소득가정 학생, 특히 소수민족 학생을 위한 국내외 교육 장학금 제공;

- 농촌, 산악, 사각지대 및 소수민족 지역을 우선순위로 하는 고등학교 학생을 대상으로 IT 교육 지원;

- 선진교육 프로그램 개발 지원; 검증 및 품질평가 시스템 강화 지원, 장학금 제공; 교환, 교육 협력, 과학연구, 기술 이전, 교육과 실습, 학교와 기업 간의 연계 강화 등.

나) 보건의료

- 의료진 교육: 경험, 방법 및 전문적인 지식교류를 통해 의료진 교육 지원; 국내외 의료진 교육 장학금 지급;

- 의료 인프라 개발: 중앙급 및 성급 종합병원과 현급 및 읍급 보건소에게 인프라 개선, 새로 구축, 설비공급, 기술이전 등.

- 국가목표인 의료 프로그램 구현 지원: HIV/에이즈 예방 및 통제, HIV/에이즈 환자에게 지원 및 치료; 마약 예방, 통제 및 감소, 마약의 위험에 대한 지식 전파; 안전한 피임법 전파; 가족계획, 출산율 억제 및 지식전파, 인구에 대한 인식개선, 생식건강 관리, 산모 및 신생아 사망률 감소와 같은 관련활동;

- 산모, 아동을 위주로 하는 영양 실조 및 학교에서의 근시 예방 프로그램, 식품 위생 및 안전식품 개선 지원;

- 전염병에 대한 임상 실험연구 프로그램, 대규모 전염병 치료 및 예방에 대한 경험 교환 및 기술 이전 지원;

- 질병 통제 센터의 역량 개선 지원.

다) 직업훈련 및 교육

- 농촌, 도시화가 진행 중인 지역, 산업화 및 교외 지역에 중점을 둔 직업훈련 및 교육 지원;

- 업종 개발 방향에 따라 맞춤형 직업 훈련 및 교육 프로그램을 개발하고 효과적인 직업훈련 모형에 대한 경험 공유;
- 직업훈련 및 교육 시설 개발: 직업학교 및 센터에 의한 기초 교육 및 직업 훈련 장비 제공;
- 전문가 및 전문 지식을 갖춘 직업교육 교사 추가 배치;
- 취약계층, 장애인, 소수민족, 이주 노동자를 위한 일자리 창출과 관련된 교육, 직업훈련 등.

라) 농업, 임업, 어업 및 농촌 개발

- 첨단 농업, 유기 농업 및 녹색 농업 개발 지원;
- 농업, 임업 및 어업 확장 네트워크를 개발하고, 농업, 임업 및 어업 확장 작업자를 위한 지식과 경험을 교육, 훈련 및 공유;
- 양식 및 어획 지원, 연안 어업 관리 및 수생 환경, 전염병 관리에 대한 지역사회 참여 확산;
- 농촌 기반시설: 관개 시설, 펌프장, 마을 간 도로, 정수 시설, 화장실 등의 생산 기반시설 개발;
- 신규 농촌 구축; 수공업, 소규모 생산 및 서비스 업종 개발; 비농업 소득 증대를 통해 경제 구조조정 지원; 농산물 시장연계 지원;
- 식물과 동물의 질병 예방 및 통제;
- 농업, 임업, 어업 및 농촌개발에 대한 과학연구; 기후변화에 적응하는 가축 및 작물 연구 및 생산응용 지원.

마) 사회적 문제 해결

- 저소득가정 아동 (고아, 장애 및 무의무탁 아동 등)의 교육 및 지원;
- 노인, 장애인 및 빈곤자 지원;
- 빈곤층과 저소득층, 특히 외딴 지역, 소수민족 및 재해 취약 지역을 위한 주택 건설;
- 노인, 저소득층 및 취약계층에게 장비, 인적 자원 및 재정을 포함한 사회복지 시설 지원;
- 가정폭력 예방, 여성과 아동의 인신매매 및 학대 예방, 피해자의 지역사회 재통합 지원; 성 평등에 대한 인식을 전파 및 개선;

- 교통사고와 재해사고에 대한 의식 전파, 예방 및 최소화 방안.

바) 환경, 기후변화에 대한 대응, 자연재해 예방, 완화 및 긴급구호

- 생활환경, 자연환경 보호 및 개선; 야생동물 및 생물 다양성 보존, 기후변화에 대응하고 완화; 지속가능한 자연자원 관리 지원;

- 자연재해 예방 및 완화, 산림보호 (맹그로브 및 방파제 포함), 조기경보 시스템 개발, 홍수 방지 시스템, 재난 대응 기술 교육;

- 토지, 물, 공기 및 산림 자원의 효율적이고 지속가능한 사용; 기후변화에 적응, 녹색 기술 개발;

- 기후변화, 환경보호에 대한 대중의 인식개선, 인신매매 예방, 야생동물의 감금 및 살해 예방;

- 축산환경 오염 처리 모형 개발 지원; 폐기물 처리장 건설 및 농촌 가정 폐기물 처리 모형 개발 지원;

- 지역사회 기반으로 기후변화에 대응역량을 개선하는 모형 지원, 기후변화에 적응하는 생계 모형 개발 지원;

- 자연재해 발생시 긴급구호, 인프라 재건 및 생산 복구;

- 방사성, 핵방사선 누출사고 및 독성 화학물질 발산 사고 예방 및 대응 지원.

사) 전쟁의 여파 극복

- 전쟁 후에 남은 불발탄 및 독성 화학물질 처리;

- 폭탄, 유도탄, 불발탄 및 독성 화학물질의 데이터 베이스 구축 지원;

- 폭탄 및 지뢰 폭발사고 예방 교육;

- 고엽제/다이옥신 피해자, 지뢰/폭발물질 피해자 지원;

- 불발탄 및 잔류 독성 화학물질로 오염된 지역의 사회경제적 개발 및 거주정착 지원.

아) 문화, 체육 및 관광

- 소수민족의 역사적, 문화적, 무형 문화적 유물, 민속 및 전통 문화의 보존, 연구 및 홍보 지원;

- 전체 인구 및 학교의 체육활동을 강화 및 개발 지원, 코치, 운동선수 훈련 지원 및 빈곤 및 외딴, 산악지역 주민과 장애인을 위한 장비 지원;

- 지속가능한 관광, 녹색 관광, 농업 관광 및 지역사회 관광의 개발 지원.

2. 지역별 우선순위

국제 비정부 기금에 대한 지역별 방향은 빈곤지역, 산악지역, 소수민족 지역에 우선순위를 두어야한다. 구체적인 우선순위 내용은 각 지역의 실제 상황에 따라 결정한다.

가) 농촌 지역

- 2018년 3월 7일에 발행된 275 번/QD-TTg 하의 결정에 따라 빈곤지역 지원, 2018-2020년 빈곤 지역과 빈곤퇴치 지역 목록 및 새로운 빈곤선에 대한 2015년 11월 19일자 59 번/2015/QD-TTg 의 총리 결정에 따라 빈곤감소 지원사업 승인.

- 소수민족 지역의 사회경제적 발전 지원;

- 교육 및 직업 훈련; 수공예 업종 개발; 일자리 및 비농업 소득 창출; 소액 금융 프로그램 지원; 협동조합 및 수공예 조합 지원;

- 농업, 임업 및 어업 확장 개발; 관개, 펌프장, 마을 간 도로와 같은 생산 시설 개발지원; 종합농촌 모형개발, 지역별 농촌 개발, 각 지역의 특성과 장점을 촉진하고 신규농촌 개발 모형 추가;

- 의료진 교육; 경험 공유, 방법 교환, 전문적 교류를 통해 의료진 교육 학교 지원; 성급 병원 및 전문센터, 현금 및 응급 보건소를 위한 시설 업그레이드, 건설 및 설비 제공과 같은 의료 시설 개발; 정수 공급, 환경 위생 개선;

- HIV/에이즈 예방 및 통제, HIV/에이즈 환자 지원 및 치료; 마약 예방, 통제 및 감소, 마약의 위험에 대한 지식 전파; 안전한 피임법 전파; 가족계획, 출산율 억제 및 지식전파, 인구에 대한 인식개선, 생식건강 관리;

- 농촌, 사각지대, 외딴 지역, 소수민족 지역에서의 유치원, 초등학교, 중학교 교사를 우선순위로 하여 모든 학급의 교사 교육 지원; 교육 인프라 구축; 학교체계 강화, 초등학교와 중학교, 유아원과 유치원 분리, 소수민족 아동을 위해 기숙사학교, 기숙사, 반기숙사 건축;

- 저소득층 대상 (고아, 무의무탁 아동, 장애인, 노인 등) 지원;

- 전쟁의 여파 극복 (불발탄 소해, 거주정착지 재정비, 지뢰와 불발병기의 위험성에 대한 인식 개선, 전쟁 피해자 및 고엽제 피해자 지원 등);

- 환경보호 및 개선 (맹그로브숲 보호); 야생동물 및 생태 다양성 보전; 문화 유산 보존; 기후 변화의 영향에 대응;

-지역사회 기반으로 자연재해 예방 및 완화 모형 개발.

나) 도시 지역

- 일자리 창출과 관련된 교육 및 직업 훈련;

- 수공업 업종 개발; 중소기업 개발 지원;

- 건강관리, 심화치료 의료시설 지원, 사회복지 서비스 제공; 의료진 재교육 및 재훈련;

- 저소득층 (고아, 무의무탁 아동, 장애인, 노인 등), 학대 피해자, 인신매매 피해자, 가정폭력 피해자, 이민 및 이주 노동자에게 지원;

- HIV/에이즈, 마약, 매춘의 예방 및 통제;

- 환경 보호와 도시교통 개선.

2 부

시행방법 및 시행기관

I. 시행 방법

1. 국제 비정부 기구의 역할과 국제 비정부 기구, 후원자 및 기타 파트너와의 협력 강화 중요성에 대한 베트남 정부, 단체 및 국민의 인식을 철저히 개선한다.

2. 비정부 기구 및 기타 해외 후원국들이 베트남에서 효과적으로 사업을 운영할 수 있도록 법률체계를 구축하고 행정 절차를 개혁한다.

3. 비정부 기구, 기타 해외 후원국과의 협력 및 국제 비정부 기금의 동원 및 관리에 관한 인지도 및 정보공유 강화

가) 비정부 기구 및 기타 해외 후원국에게 베트남 공산당과 정부의 지침 및 정책, 베트남 법률을 전파하여 이해시키고 베트남 법률 및 규정을 철저히 이행할 수 있도록 한다.

나) 관련 부처, 지방정부 기관은 국제 비정부 기구 위원회 또는 기관들 간의 상호협력 하에 국제 비정부 기금로 운영하는 사업의 허가, 운영상황 및 활동 관리에 대한 정보공유의 책임을 강화한다.

다) 상호연결된 포괄적인 데이터베이스 구축을 완성하여 협력관계 상황에 대한 정보를 신속하고 정확하게 검색할 수 있게 하고 베트남 기관, 단체, 지역에서 필요성이 있는 사업과 국제 비정부 기구, 후원자 및 기타 파트너의 원조를 연결한다.

4. 협력방식, 협력대상, 국제 비정부 기구 원조 동원에 대한 혁신과 다양화

가) 국제 비정부 기구와 협력관계를 구축 및 유지하며 원조를 후원하는 기관, 단체 및 지방정부의 적극적인 역할을 강화시킨다.

나) 비정부기구, 해외 후원국의 다자간 국제협력 체제 참여를 통해 베트남의 사회복지 사업 및 후원금 유치 강화;

다) 전문가, 학자, 사회 운동가, 베트남 또는 해외 기업가의 네트워크를 적극적으로 구축하여 해외 비정부 기구와 후원자와의 연결 및 협력, 또한 국내외 비정부 기금 사용 및 동원에 대해 경험과 정보를 함께 공유한다.

다) 베트남에서 활동 중인 국제 비정부 기구 간의 베트남인 네트워크를 구축하여 국제 비정부 기구가 베트남에서 효과 및 타당성있는 장기간 사업을 구현할 수 있도록 정보를 공유하여 경험을 나누고 자문한다.

5. 국제 비정부 기금의 사용효과를 높이기 위한 점검, 검사, 감독 및 평가 강화

가) 점검, 검사 및 감독의 질을 향상;

나) 지역사회의 감독역할 강화;

다) 국제 비정부 기금의 사업, 프로젝트에 대한 공개성 및 투명성 확보;

6. 국제 비정부 기구에 관한 기관, 조직 및 개인의 역량 강화

가) 할당업무 요건을 충족시키기 위해 베트남친선협회의 국제 비정부 기금 동원 및 관계관리 담당 기관의 전문 역량 개선 및 향상;

나) 정치적 및 전문적 자질을 향상시키기 위한 교육과 훈련 강화; 모든 정부 부처와 지방의 국제 비정부 업무에 관한 기관, 조직 및 공무원들을 위한 기금동원 능력 및 국제 비정부 기금을 사용하는 사업/프로젝트 구현 능력 향상;

II. 시행기관

1. 국제 비정부 기구 위원회

가) 프로그램의 구현한다.

나) 새로운 업무 및 상황에 따라 요구사항이 있을 시 국제 비정부 기금의 동원 방향에 대한 내용을 검토하고 수정할 수 있도록 총리에게 보고하고 제안한다.

2. 베트남 친선협회는 이러한 경우에 조정 기관 역할을 한다.

가) 베트남과의 협력 및 지원을 위해 비정부 기구 및 기타 해외 후원자와의 협력관계 유지 및 기금유치;

나) 비정부 기구, 기타 해외 후원자와의 협력에 관한 정보 및 중앙, 지방 기관, 조직과 국제 비정부 기금 동원 상황을 종합하고 공유한다.

다) 비정부기구 및 기타 해외 후원자와의 협력 및 국제 기금 동원을 위해 베트남 공산당의 지침과 정책, 베트남 법률을 안내한다.

라) 국제 비정부 기구의 기금으로 운영하는 사업을 원활하게 실시할 수 있도록 정부기관과 조직에게 지식, 기술 등을 포함한 능력개발 교육 및 훈련을 시킨다.

3. 이 프로그램의 규정조항에 근거하여 중앙직할시, 성 등 지방 인민위원회 / 단체는:

가) 해당 기관의 기능 및 관리임무에 따른 적합한 프로그램 실시를 위해 업무의 내용을 구체적으로 정리한다.

나) 법률 규정 검토, 관할 기관에 제안, 관련 법률 문서 작성, 수정 및 보완

다) 국제 비정부 기금으로 운영하는 프로그램 및 사업의 이행 상황에 대한 검사 및 감사를 실행한다.

라) 프로그램 실행 시 국제 비정부 기구 위원회와 협력 및 지원.

4. 이 프로그램의 구현비용은 국가기금 및 국내외 합법적인 기금에 의해 충당된다. 정부부처, 부서, 중앙직할 시, 성의 인민위원회, 베트남 친선협회 등은 배정된 업무와 국가기금법 규정에 따라 연간 예산 추정치를 작성하고 관할 당국에 제출하여 검토를 하도록 한다.

총리

(대신) 부총리

Phạm Bình Minh (인)